

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25/01/2021

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Ông Đặng Văn Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Vân - Thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 352/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/12/2020 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc L, sinh năm: 1988. Địa chỉ: đường C, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng. Nơi ở hiện nay: thôn 03, xã S, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Hồ Quốc T, sinh năm: 1983. Địa chỉ: đường C, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2020, bảng tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Hồ Quốc T kết hôn vào năm 2013, có Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 175/2013 ngày 18/12/2013 do Ủy ban nhân dân phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại đường C, phường T, quận L. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, tình cảm rạn nứt. Hiện nay, ông bà không còn chung sống với nhau nữa.

Bà L hiện đang sống với bố mẹ ruột tại thôn 03, xã S, huyện P, tỉnh Quảng Nam; còn ông T vẫn sinh sống tại địa chỉ đường C, phường T, quận L. Nay bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông T

Về con chung: Ông bà không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định vợ chồng không có.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 06 tháng 11 năm 2020, bị đơn ông Hồ Quốc T trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian kết hôn, chung sống, điều kiện kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và có cãi vã nhau, tuy nhiên ông vẫn còn yêu thương vợ nên đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Tuy nhiên, ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (lần 2 và 3), Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do.

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của BLTTDS.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Ngọc L đối với ông Hồ Quốc T.

Về con chung: Bà L xác định vợ chồng không có con chung nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định vợ chồng không có nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2020 thì nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T, không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn*”.

[1.2] Về thẩm quyền của Tòa án: Bị đơn ông Hồ Quốc T có hộ khẩu thường trú tại đường C, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ có thẩm quyền giải quyết.

[1.3] Bị đơn ông Hồ Quốc T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Ngọc L và ông Hồ Quốc T tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 175/2013 ngày 18/12/2013 do Ủy ban nhân dân phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại đường C, phường T, quận L. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà L, HĐXX nhận thấy: sau khoảng thời gian sống chung, vợ chồng ông đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng hiện nay không còn sống chung với nhau nữa, bà L hiện đang sống với bố mẹ ruột tại thôn 03, xã S, huyện P, tỉnh Quảng Nam; còn ông T vẫn sinh sống tại địa chỉ đường C, phường T, quận L. Ngoài ra, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù thể hiện mong muốn được hòa giải đoàn tụ với bà L nhưng khi Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ triệu tập hợp lệ thì ông T vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng hay để Tòa án tiến hành hòa giải. Điều này chứng tỏ ông T không muốn hàn gắn cũng như tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà L.

Do mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa bà L và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và tại phiên tòa, bà L xác định không còn tình cảm với ông T nữa nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Ngọc L đối với ông Hồ Quốc T.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông T xác định không có con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông T xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa phù hợp với phân tích nêu trên nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc L đối với ông Hồ Quốc T về việc ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc L được ly hôn với ông Hồ Quốc T.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001446 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND P. Khuê Trung;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Hưng